

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
CỦA CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015
Được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG-T.D.K



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV trình bày báo cáo của mình và báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015.

KHÁI QUÁT CHUNG VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là "Công ty") tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán.

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc Công ty tại ngày lập báo cáo:

Các thành viên Hội đồng quản trị:

Ông Shim Geepeel	Chủ tịch
Bà Võ Thị Hồng Vân	Phó Chủ tịch
Ông Nguyễn Thiện Toàn	Ủy viên
Ông Vũ Đức Nghĩa	Ủy viên
Ông Jin Woo Hyun	Ủy viên
Ông Lee Yun Ki	Ủy viên

Các thành viên Ban Tổng Giám đốc:

Ông Vũ Đức Nghĩa	Tổng Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Quang	Quyền Phó Tổng Giám đốc

CÁC SỰ KIỆN QUAN TRỌNG ẢNH HƯỞNG ĐẾN BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Đối với khoản công nợ phải thu phát sinh từ trước năm 2009, hiện nay đang được ghi nhận cho ông Nguyễn Đức Tùng (nguyên Kế toán trưởng Công ty) với số tiền là 2.419.974.198 VND thuộc trách nhiệm giải trình số liệu của ông Nguyễn Đức Tùng. Công ty cũng đã gửi đơn khởi kiện lên Tòa án Nhân dân Thành phố Hà Nội, gửi Công văn đến Sở Lao động - Thương binh và Xã hội Hà Nội và các cơ quan khác về việc yêu cầu ông Nguyễn Đức Tùng lên giải trình số liệu liên quan. Công ty tin tưởng sẽ thu hồi được khoản công nợ này nên không thực hiện trích lập dự phòng. Công ty cam kết vấn đề trên là đúng và cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước Pháp luật.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K là Công ty kiểm toán có đủ năng lực được lựa chọn. Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K bày tỏ nguyện vọng được tiếp tục kiểm toán báo cáo tài chính cho Công ty trong những kỳ kế toán tiếp theo.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Tổng Giám đốc Công ty khẳng định những vấn đề sau đây:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục. Công ty tiếp tục hoạt động và thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh của mình trong kỳ kế toán tiếp theo;
- Các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác;
- Kể từ ngày kết thúc kỳ kế toán này đến ngày lập Báo cáo tài chính, chúng tôi khẳng định rằng không phát sinh bất kỳ một sự kiện nào khác có thể ảnh hưởng đáng kể đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính và ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty cho năm tài chính tiếp theo.
- Công ty không thực hiện các giao dịch có liên quan đến các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban điều hành của Công ty. Các đối tác của Công ty là các tổ chức tín dụng, định chế tài chính, các doanh nghiệp và các cá nhân hoàn toàn độc lập với Công ty. Công ty cũng như các đối tác của Công ty cũng không sở hữu cổ phiếu của bên kia cũng như là thành viên HĐQT, BKS, Ban điều hành của phía đối tác.
- Chúng tôi cam kết các thông tin trên là trung thực, được phản ánh đầy đủ, đúng với các số liệu kế toán của Công ty trong kỳ.

Ban Tổng Giám đốc Công ty cam kết rằng báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2015, kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội

Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc

chuyên tiền tệ, tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.



VŨ ĐỨC NGHĨA

Tổng Giám đốc

Thay mặt và đại diện

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Hà Nội, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Handwritten signature



CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐỊNH GIÁ THĂNG LONG - T.D.K

THANGLONG - T.D.K AUDITING AND VALUATION COMPANY

Địa chỉ: Sân KT - TM và DV khu nhà ở CBCS CSTT, CAHN, ngõ 299 phố Trung Kính, Yên Hòa, Cầu Giấy, Hà Nội
Điện thoại: 04 44500668 / Fax: 04 44500669 / Email: thanglongkiemtoan@gmail.com
Website: www.kiemtoanthanglongtdk.com

Số: 1291/2015/BCKT/TC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Về Báo cáo tài chính năm 2015 của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Kính gửi: HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV, được lập ngày 28 tháng 03 năm 2016, từ trang 06 đến trang 28, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31/12/2015, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ, Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán ngoại trừ của chúng tôi.

Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ

- Như Công ty đã trình bày tại mục "Các sự kiện quan trọng ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính" trong Báo cáo của Ban Giám đốc và tại Thuyết minh số V.03 trang 20, khoản công nợ ghi cho ông Nguyễn Đức Tùng chưa

Handwritten signatures and initials.

được Công ty tính và trích lập dự phòng theo quy định hiện hành và chờ phán quyết của cơ quan có thẩm quyền.

Ý kiến kiểm toán ngoại trừ

Theo ý kiến của chúng tôi, ngoại trừ ảnh hưởng của vấn đề nêu tại đoạn “Cơ sở của ý kiến kiểm toán ngoại trừ”, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV tại ngày 31/12/2015, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh, tình hình lưu chuyển tiền tệ và tình hình vốn chủ sở hữu cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán Việt Nam áp dụng cho các công ty chứng khoán và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề cần nhấn mạnh

Không phủ nhận ý kiến nêu trên, chúng tôi muốn lưu ý người đọc rõ rằng: Tại ngày 31/12/2015, Giá trị khoản đầu tư vào mã cổ phiếu DPM là 20.709.528.305 VND chiếm 15,19% Vốn chủ sở hữu. Điều này vi phạm quy định về hạn chế đầu tư đối với các công ty chứng khoán nêu tại Điều 44 của Thông tư số 210/2012/TT-BTC ngày 30 tháng 11 năm 2012 của Bộ Tài chính. Tuy nhiên, đến thời điểm phát hành báo cáo này, Công ty đã bán cổ phiếu DPM để giảm tỷ lệ sở hữu vào mà chứng khoán này xuống còn 14,69%.

Hà Nội, ngày 30 tháng 03 năm 2016

Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K

Phó Tổng Giám đốc

Kiểm toán viên



[Handwritten signature]

NGUYỄN TRUNG KIÊN

LƯU ANH TUẤN

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1129-2014-045-1

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán
Số: 1026-2014-045-1

[Handwritten signature]

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		89.144.554.704	105.502.901.100
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.01	24.389.482.525	17.501.506.390
1. Tiền	111		21.579.482.525	16.001.506.390
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.810.000.000	1.500.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	39.680.632.482	10.476.433.870
1. Đầu tư ngắn hạn	121		45.457.422.787	11.555.415.870
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(5.776.790.305)	(1.078.982.000)
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130	V.03	22.329.591.703	74.880.504.726
1. Phải thu khách hàng	131		4.011.611.981	102.162.725
2. Trả trước cho người bán	132		11.415.211.559	7.267.782.282
4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	135		4.154.620.566	4.070.743.619
5. Các khoản phải thu khác	138	-	4.533.812.810	64.022.474.911
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139		(1.785.665.213)	(582.658.811)
IV. Hàng tồn kho	140		249.515.141	249.515.141
1. Hàng tồn kho	141	V.04	249.515.141	249.515.141
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.495.332.853	2.394.940.973
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		18.959.755	199.226.056
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		97.898.013	121.963.261
4. Tài sản ngắn hạn khác	158	V.05	2.378.475.085	2.073.751.656
B- TÀI SẢN DÀI HẠN	200		56.230.231.997	39.677.167.013
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		0	0
II. Tài sản cố định	220		36.547.572.800	37.581.098.919
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.06	2.413.066.313	2.647.675.494
- Nguyên giá	222		5.504.928.944	5.441.568.944
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(3.091.862.631)	(2.793.893.450)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.07	17.616.653.848	19.465.570.786
- Nguyên giá	228		23.986.576.214	25.036.576.214
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(6.369.922.366)	(5.571.005.428)
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.08	16.517.852.639	15.467.852.639
III. Bất động sản đầu tư	240		0	0
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.02	18.085.500.000	85.500.000
2. Đầu tư vào Công ty liên doanh, liên kết	252		85.500.000	85.500.000
4. Đầu tư dài hạn khác	258		18.000.000.000	0
V. Tài sản dài hạn khác	260		1.597.159.197	2.010.568.094
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.09	363.168.625	796.442.676
3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán	263		944.346.801	924.481.647
4. Tài sản dài hạn khác	268	V.10	289.643.771	289.643.771
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		145.374.786.701	145.180.068.113





BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2015

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã Số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A- NỢ PHẢI TRẢ	300		10.104.410.702	8.928.596.060
I. Nợ ngắn hạn	310		10.104.410.702	8.928.596.060
2. Phải trả người bán	312		477.596.858	559.072.811
3. Người mua trả tiền trước	313		207.296.271	207.296.271
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.11	246.213.687	36.639.124
5. Phải trả người lao động	315		(13.798.526)	(3.100.000)
6. Chi phí phải trả	316		320.775.345	187.168.320
8. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.12	1.963.676.460	1.989.687.796
9. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	320		6.788.494.202	5.837.675.333
10. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu	321		114.156.405	114.156.405
II. Nợ dài hạn	330		0	0
B- VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		135.270.375.999	136.251.472.053
I. Vốn chủ sở hữu	410	V.13	135.270.375.999	136.251.472.053
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		135.000.000.000	135.000.000.000
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		113.649.448	113.649.448
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		43.077.103	1.024.173.157
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		0	0
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		145.374.786.701	145.180.068.113

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
6. Chứng khoán lưu ký	006		136.185.180.000	139.544.110.000
6.1 Chứng khoán giao dịch của khách hàng	007		136.056.060.000	139.544.110.000
6.1.2 Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009		134.822.060.000	136.880.750.000
6.1.3 Chứng khoán giao dịch của khách hàng nước ngoài	010		1.234.000.000	2.663.360.000
6.7 Chứng khoán chờ giao dịch	037		129.120.000	-
6.7.2 Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039		129.120.000	-

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

(Handwritten signatures and initials)

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Người lập



NGUYỄN THỊ THU

Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN ANH

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA



BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu	1	VI.14	14.795.284.592	13.178.539.240
Trong đó:				
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	01.1		372.834.749	948.176.929
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	01.2		4.330.159.862	6.188.118.600
- Doanh thu hoạt động tư vấn	01.5		9.089.945.915	4.452.380.133
- Doanh thu khác	01.9		1.002.344.066	1.589.863.578
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	2		0	0
3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	10		14.795.284.592	13.178.539.240
4. Chi phí hoạt động kinh doanh	11	VI.15	12.689.875.076	10.252.832.593
5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh	20		2.105.409.516	2.925.706.647
6. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.16	3.100.302.300	2.860.442.643
7. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(994.892.784)	65.264.004
8. Thu nhập khác	31	VI.17	46.279.886	42.135.141
9. Chi phí khác	32	VI.18	32.483.156	10.148.831
10. Lợi nhuận khác	40		13.796.730	31.986.310
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(981.096.054)	97.250.314
12. Chi phí thuế thu nhập hiện hành	51	VI.19	0	0
13. Chi phí thuế thu nhập hoãn lại	52		0	0
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		(981.096.054)	97.250.314
15. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70		-	-

Người lập

Kế toán trưởng

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc

NGUYỄN THỊ THU

NGUYỄN THỊ LAN ANH

VŨ ĐỨC NGHĨA

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		(981.096.054)	97.250.314
2. Điều chỉnh cho các khoản				
- Khấu hao TSCĐ	02		1.591.835.461	1.588.315.464
- Các khoản dự phòng	03		5.900.814.707	1.161.052.358
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.219.403.093)	(7.278.382.838)
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		1.292.151.021	(4.431.764.702)
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		27.839.248.440	(41.632.741.148)
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		0	642.660.578
- Tăng, giảm các khoản phải trả (Không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		2.819.059.955	(1.629.782.109)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		613.540.352	267.494.918
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14		0	(29.663.637)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15		0	328.763.496.039
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16		(19.865.154)	(276.552.758.070)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.544.134.614	5.396.941.969
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(2.265.227.500)	(3.779.591.500)
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(95.782.916.147)	(37.015.430.000)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		61.880.909.230	28.621.530.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(38.300.000.000)	0
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		43.528.000.000	0
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.283.075.938	7.278.382.838
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(25.656.158.479)	(4.895.108.662)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		0	0
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		6.887.976.135	501.833.307
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		17.501.506.390	16.999.673.083
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70		24.389.482.525	17.501.506.390

Handwritten signatures and initials in blue ink.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Người lập



NGUYỄN THỊ THU

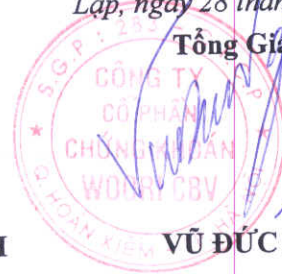
Kế toán trưởng



NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

BÁO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Năm 2015

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số đầu năm		Số tăng/ giảm				Số cuối năm	
		Năm trước	Năm nay	Năm trước		Năm nay		Năm trước	Năm nay
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		135.000.000.000	135.000.000.000	0	0	0	0	135.000.000.000	135.000.000.000
8. Quỹ dự phòng tài chính		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
9. Các Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		113.649.448	113.649.448	0	0	0	0	113.649.448	113.649.448
10. Lợi nhuận chưa phân phối		926.922.843	1.024.173.157	97.250.314	0	0	981.096.054	1.024.173.157	43.077.103
Cộng		136.154.221.739	136.251.472.053	97.250.314	0	0	981.096.054	136.251.472.053	135.270.375.999

Người lập

NGUYỄN THỊ THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2015

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.

1. Hình thức sở hữu vốn:

Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV (sau đây viết tắt là “Công ty”) tiền thân là Công ty Cổ phần Chứng khoán Biển Việt, được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015053 ngày 18 tháng 12 năm 2006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép hoạt động kinh doanh chứng khoán số 43/UBCK-GPHĐKD ngày 28 tháng 12 năm 2006, với số vốn điều lệ ban đầu là 25.000.000.000 VND.

Ngày 03 tháng 3 năm 2008, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 109/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 25.000.000.000 VND lên 100.000.000.000 VND.

Ngày 10 năm 3 năm 2009, Công ty được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp Giấy phép sửa đổi số 201/UBCK-GP, tăng vốn điều lệ của Công ty từ 100.000.000.000 VND lên 135.000.000.000 VND.

Theo Quyết định số 47/QĐ-UBCK ngày 06 tháng 02 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 1.715.000 cổ phần (tương ứng 12,7% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Theo Quyết định số 522/QĐ-UBCK ngày 19 tháng 8 năm 2009, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận cho Công ty bán 4.900.000 cổ phần (tương ứng 36,3% vốn điều lệ) cho nhà đầu tư nước ngoài - Công ty TNHH Chứng khoán và Đầu tư Woori (thành lập tại Hàn Quốc).

Ngày 30 tháng 11 năm 2009, Công ty Chứng khoán Biển Việt được đổi tên thành Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV theo Quyết định số 283/UBCK-GP ngày 30 tháng 11 năm 2009 của Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

Trụ sở hoạt động: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Vốn điều lệ: 135.000.000.000 VND

Cơ cấu vốn điều lệ:

STT	Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ sở hữu
1	Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH	66.150.000.000	49%
2	Ông Vũ Đức Nghĩa	8.500.000.000	6%
3	Bà Võ Thị Hồng Vân	7.000.000.000	5%
4	Các cá nhân khác	53.350.000.000	40%
Cộng		135.000.000.000	100%

2. Lĩnh vực kinh doanh: Kinh doanh chứng khoán.

3. Ngành nghề kinh doanh:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn tài chính và đầu tư chứng khoán;
- Lưu ký chứng khoán.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN.

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm;

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (Ký hiệu là VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG.

Chế độ kế toán áp dụng:

Công ty áp dụng Chế độ kế toán áp dụng cho các công ty chứng khoán ban hành theo Thông tư số 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008, Thông tư số 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC của Bộ Tài chính, các quyết định ban hành Chuẩn mực kế toán Việt Nam, các Thông tư hướng dẫn, sửa đổi, bổ sung chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành có hiệu lực đến thời điểm kết thúc niên độ kế toán lập báo cáo tài chính năm.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán: Trên máy vi tính.

IV. CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền:

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán.

Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán phản ánh các khoản ký quỹ cho việc thực hiện các giao dịch huỷ lệnh, sửa lệnh và khớp lệnh tại Trung tâm giao dịch chứng khoán và Trung tâm lưu ký chứng khoán.

1.1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá giao dịch thực tế của ngân hàng giao dịch tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Toàn bộ chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh trong kỳ của hoạt động sản xuất kinh doanh, kể cả hoạt động đầu tư xây dựng cơ bản được hạch toán ngay vào chi phí tài chính hoặc doanh thu hoạt động tài chính trong kỳ.

Tại thời điểm cuối năm tài chính các khoản mục tiền, công nợ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá mua vào của Ngân hàng thương mại nơi doanh nghiệp mở tài khoản công bố tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ, công nợ tại thời điểm cuối năm được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

1.2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tương đương tiền:

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác:

2.1. Nguyên tắc ghi nhận:

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ, phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng (nếu có), và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm được phân loại là Tài sản dài hạn.

Phải thu khách hàng

Phải thu khách hàng bao gồm phải thu phí dịch vụ, cung cấp dịch vụ cho nhà đầu tư, phải thu tiền bán chứng khoán tự doanh chưa niêm yết.

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm phải thu Trung tâm lưu ký chứng khoán về tiền bán chứng khoán của khách hàng, phải thu khách hàng về hoạt động giao dịch chứng khoán, phải thu phí môi giới chứng khoán, phải thu khác.

2.2. Lập dự phòng phải thu khó đòi:

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định:

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ: Tài sản cố định được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ: Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng. Thời gian khấu hao phù hợp với Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính và được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	12 – 18 năm
- Máy móc, thiết bị	08 – 15 năm
- Phương tiện vận tải	10 – 15 năm
- Tài sản cố định vô hình	03 – 20 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

4.1. Nguyên tắc ghi nhận

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và tài sản đồng kiểm soát được công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác. Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên liên doanh theo hợp đồng liên doanh.

- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là “tương đương tiền”;

- Có thời hạn thu hồi vốn dưới 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

- Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn.

4.2. Lập dự phòng các khoản đầu tư tài chính**Dự phòng các khoản đầu tư tài chính dài hạn:**

Dự phòng đầu tư cho mỗi khoản đầu tư tài chính bằng số vốn đã đầu tư và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự} \\ \text{phòng tổn} \\ \text{thất các} \\ \text{khoản đầu} \\ \text{tư tài chính} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Vốn góp thực tế} \\ \text{của các bên tại} \\ \text{tổ chức kinh tế} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Vốn chủ} \\ \text{sở hữu thực} \\ \text{có} \end{array} \times \frac{\text{Vốn đầu tư của doanh nghiệp}}{\text{Tổng vốn góp thực tế của các} \\ \text{bên tại tổ chức kinh tế}}$$

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán ngắn hạn :

Dự phòng giảm giá đầu tư chứng khoán được tính cho mỗi loại chứng khoán và tính theo công thức sau:

$$\begin{array}{c} \text{Mức dự phòng} \\ \text{giảm giá đầu tư} \\ \text{chứng khoán} \end{array} = \begin{array}{c} \text{Số lượng chứng khoán} \\ \text{bị giảm giá tại thời} \\ \text{điểm lập báo cáo tài} \\ \text{chính} \end{array} \times \begin{array}{c} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản hạch} \\ \text{toán trên sổ kế} \\ \text{toán} \end{array} - \begin{array}{c} \text{Giá chứng} \\ \text{khoản thực tế} \\ \text{trên thị trường} \end{array}$$

- Đối với chứng khoán đã niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế trên Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.

- Đối với các loại chứng khoán chưa niêm yết:

+ Giá chứng khoán thực tế đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày lập dự phòng.

+ Giá chứng khoán thực tế chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các công ty đại chúng được xác định là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch được cung cấp tối thiểu bởi ba (03) công ty chứng khoán tại thời điểm lập dự phòng.

Trường hợp không thể xác định được giá trị thị trường của chứng khoán thì không được trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán.

- Đối với những chứng khoán niêm yết bị huỷ giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

5. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí hoạt động kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí hoạt động kinh doanh trong năm tài chính.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ, dụng cụ

- Chi phí khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí hoạt động kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

6. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải trả thương mại và phải trả khác

Các khoản phải trả người bán, phải trả khác, khoản vay tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thanh toán dưới 1 năm được phân loại là Nợ ngắn hạn.
- Có thời hạn thanh toán trên 1 năm được phân loại là Nợ dài hạn.

Tài sản thiếu chờ xử lý được phân loại là Nợ ngắn hạn.

Thuế thu nhập hoãn lại được phân loại là Nợ dài hạn.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu.

Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, gốc và lãi trái phiếu mà công ty phải trả hộ cho các chủ sở hữu chứng khoán do tổ chức phát hành chứng khoán ủy quyền. Phải trả cổ tức cho cổ đông phản ánh số phải trả và tình hình thanh toán cổ tức, lãi chia cho cổ đông, người góp vốn, bên góp vốn của công ty chứng khoán.

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán

Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán bao gồm khoản tiền Công ty nhận từ các nhà đầu tư để thực hiện các giao dịch môi giới chứng khoán và quản lý tài khoản giao dịch chứng khoán cho nhà đầu tư, phải trả Trung tâm lưu ký chứng khoán-về tiền mua chứng khoán của khách hàng và phải trả cho khách hàng tiền bán chứng khoán

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí hoạt động kinh doanh trong kỳ để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí hoạt động kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

Hạch toán vào chi phí này là: phí kiểm toán và các chi phí phải trả khác.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu.

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu cung cấp dịch vụ:

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Phần công việc cung cấp dịch vụ đã hoàn thành được xác định theo phương pháp đánh giá công việc hoàn thành.

Handwritten signature and initials in blue ink.

Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán:

Là khoản phí giao dịch chứng khoán mà công ty chứng khoán được hưởng từ các hoạt động môi giới kinh doanh chứng khoán cho nhà đầu tư được xác định khi dịch vụ môi giới hoàn thành.

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn:

Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn bao gồm các khoản chênh lệch lãi bán chứng khoán tự doanh của công ty chứng khoán (được ghi nhận dựa trên Thông báo kết quả thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán của Trung tâm lưu ký chứng khoán) và khoản thu lợi tức cổ phiếu, lãi trái phiếu, thu từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết (lãi đầu tư cổ phiếu được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở thông báo chia lãi của tổ chức có cổ phần do công ty nắm giữ, lãi đầu tư trái phiếu và lãi từ hoạt động góp vốn liên doanh, liên kết được ghi nhận vào báo cáo kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích).

Doanh thu hoạt động tư vấn:

Doanh thu từ hoạt động tư vấn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi hoàn thành dịch vụ và khách hàng chấp nhận thanh toán.

Doanh thu hoạt động lưu ký chứng khoán:

Doanh thu từ hoạt động lưu ký chứng khoán cho nhà đầu tư được ghi nhận trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi thực thu.

Doanh thu khác:

Doanh thu khác bao gồm doanh thu lãi tiền gửi ngân hàng, hoàn nhập dự phòng các khoản đầu tư, doanh thu khác..., được ghi nhận trên Báo cáo Kết quả kinh doanh trên cơ sở dồn tích. Lãi thu được từ các hợp đồng mua bán chứng khoán có kỳ hạn được ghi nhận trên báo cáo kết quả kinh doanh khi thực thu.

10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí quản lý doanh nghiệp: là các khoản chi phí gián tiếp phục vụ cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Mọi khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong kỳ được ghi nhận ngay vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ đó khi chi phí đó không đem lại lợi ích kinh tế trong các kỳ sau.

11. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế hiện tại phải trả được tính trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chi tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Các nguyên tắc và phương pháp kế toán khác

Cơ sở lập báo cáo tài chính: Báo cáo tài chính được lập và trình bày dựa trên các nguyên tắc và phương pháp kế toán cơ bản: cơ sở dồn tích, hoạt động liên tục, giá gốc, phù hợp, nhất quán, thận trọng, trọng yếu, bù trừ và có thể so sánh.

Các bên liên quan: Một bên được xem là bên liên quan đến Công ty nếu có khả năng kiểm soát Công ty hay có ảnh hưởng trọng yếu đến các quyết định tài chính và hoạt động của Công ty.

Handwritten signature and initials in blue ink.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN.

	Đơn vị tính: VND	
	Số cuối năm	Số đầu năm
01. Tiền	273.678.574	151.064.707
- Tiền mặt	21.305.803.951	15.850.441.683
- Tiền gửi ngân hàng	6.933.428.493	5.924.803.412
+ Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	14.372.375.458	9.925.638.271
+ Tiền gửi của Công ty	2.810.000.000	1.500.000.000
- Tiền gửi có kỳ hạn	2.810.000.000	1.500.000.000
+ Ngân hàng BIDV Hà Thành	24.389.482.525	17.501.506.390
Cộng		

Đơn vị tính: VND	
Chỉ tiêu	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
a. Cửa công ty chứng khoán	41.789.148.000
- Cổ phiếu	41.789.148.000
- Trái phiếu	0
- Chứng khoán khác	0
b. Cửa nhà đầu tư	177.858.583.600
- Cổ phiếu	177.858.583.600
- Trái phiếu	0
- Chứng khoán khác	0
Tổng cộng	219.647.731.600

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

02. Đầu tư tài chính		Chỉ tiêu	Số lượng		Giá trị theo sổ kế toán		So với giá thị trường				Tổng giá trị theo giá thị trường		Ghi chú
							Tăng		Giảm				
							Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	Cuối năm	Đầu năm	
I. Chứng khoán thương mại		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0	(1)	
II. Chứng khoán đầu tư		332.693	597	31.887.422.788	8.405.415.870	103.323.387	0	5.776.790.305	1.078.982.000	26.213.955.870	7.326.433.870		
1. Chứng khoán sẵn sàng để bán		332.693	597	31.887.422.788	8.405.415.870	103.323.387	0	5.776.790.305	1.078.982.000	26.213.955.870	7.326.433.870		
- VNM		76.596	597	2.282.056.613	8.393.900.000	73.783.387	0	0	1.078.982.000	2.355.840.000	7.314.918.000		
- GAS		128.000	0	6.277.520.000	0	0	0	2.585.844.000	0	3.691.676.000	0		
- CNG		36.200	0	1.074.800.000	0	0	0	29.180.000	0	1.045.620.000	0		
- DPM		31.400	0	20.709.528.305	0	0	0	3.051.066.305	0	17.658.462.000	0		
- TCM		29.100	0	942.300.000	0	0	0	110.700.000	0	831.600.000	0		
- FMC		30.800	0	589.660.000	0	29.540.000	0	0	0	619.200.000	0		
- Cổ phiếu lẻ		597	0	11.557.870	11.515.870	0	0	0	0	11.557.870	11.515.870		
2. Chứng khoán nắm giữ đến ngày đáo hạn		0	0	0	0	0	0	0	0	0	0		
III. Đầu tư góp vốn		0	0	18.085.500.000	85.500.000	0	0	0	0	18.085.500.000	85.500.000		
- Vốn góp liên doanh, liên kết		0	0	85.500.000	85.500.000	0	0	0	0	85.500.000	85.500.000		
- Đầu tư dài hạn khác		0	0	18.000.000.000	0	0	0	0	0	18.000.000.000	0		
IV. Đầu tư tài chính khác		0	0	13.570.000.000	3.150.000.000	0	0	0	0	13.570.000.000	3.150.000.000		
- Tiền gửi có kỳ hạn		0	0	13.570.000.000	3.150.000.000	0	0	0	0	13.570.000.000	3.150.000.000		
Tổng cộng		332.693	597	63.542.922.788	11.640.915.870	103.323.387	0	5.776.790.305	1.078.982.000	57.869.455.870	10.561.933.870		

(1) Mua cổ phần của Công ty Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Điện tử Việt

Handwritten signature and initials.

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

03. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chỉ tiêu	Số đầu năm		Số PS trong kỳ		Số cuối năm			Số dự phòng	
	Trong kỳ	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Trong kỳ	Số quá hạn		Số khó đòi
A	1	2	3	4	5	6	7	8	9
1. Phải thu của khách hàng	102.162.725	102.162.725	87.121.500	9.683.956.556	5.774.507.300	4.011.611.981	102.162.725	102.162.725	102.121.500
2. Trả trước cho người bán	7.267.782.282	0	0	11.415.211.559	7.267.782.282	11.415.211.559	0	0	0
3. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán (*)	4.070.743.619	4.070.743.619	4.070.743.619	8.610.740.822	8.526.863.875	4.154.620.566	4.070.743.619	4.070.743.619	1.683.543.713
5. Phải thu khác	64.022.474.911	0	0	28.894.220.049	88.382.882.150	4.533.812.810	0	0	0
- Ngân hàng BIDV	19.799.780.000	0	0	3.321.800.000	22.993.580.000	128.000.000	0	0	0
(tiền bán chứng khoán tự doanh chờ về)	18.168.750.000	0	0	0	18.168.750.000	0	0	0	0
- Phải thu tiền bán chứng khoán đầu tư	25.528.000.000	0	0	20.300.000.000	43.528.000.000	2.300.000.000	0	0	0
- Thỏa thuận đặt cọc mua chứng khoán	525.944.911	0	0	5.272.420.049	3.692.552.150	2.105.812.810	0	0	0
- Các khoản phải thu khác									
Tổng cộng:	75.463.163.537	4.172.906.344	4.157.865.119	58.604.128.986	109.952.035.607	24.115.256.916	4.172.906.344	4.172.906.344	1.785.665.213

(*) Bao gồm khoản công nợ ghi cho ông Nguyễn Đức Tùng với giá trị: 2.419.974.198 VND




CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

04. Hàng tồn kho	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	249.515.141	249.515.141
Cộng	249.515.141	249.515.141
05. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thiếu chờ xử lý	81.648.595	81.648.595
- Tạm ứng	2.296.826.490	1.992.103.061
Cộng	2.378.475.085	2.073.751.656

✓
22

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

06. Tình hình tăng, giảm TSCĐ hữu hình		Khoản mục		Nhà cửa, vật kiến trúc		Máy móc, thiết bị		Phương tiện vận tải truyền dẫn		Tổng cộng	
I. Nguyên giá TSCĐ hữu hình											
Số dư đầu năm		459.910.106		4.539.992.648		441.666.190		5.441.568.944			
- Mua trong năm		0		63.360.000		0		63.360.000			
Số dư cuối năm		459.910.106		4.603.352.648		441.666.190		5.504.928.944			
II. Giá trị hao mòn lũy kế											
Số dư đầu năm		366.962.056		2.061.252.230		365.679.164		2.793.893.450			
- Khấu hao trong kỳ		5.755.600		263.574.045		28.639.536		297.969.181			
Số dư cuối năm		372.717.656		2.324.826.275		394.318.700		3.091.862.631			
III. Giá trị còn lại của TSCĐ HH											
- Tại ngày đầu năm		92.948.050		2.478.740.418		75.987.026		2.647.675.494			
- Tại ngày cuối năm		87.192.450		2.278.526.373		47.347.490		2.413.066.313			



CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

07. Tình hình tăng, giảm TSCĐ vô hình		
Khoản mục	Phần mềm tin học	Tổng Cộng
<i>I. Nguyên giá TSCĐ vô hình</i>		
Số dư đầu năm	25.036.576.214	25.036.576.214
- Giảm khác	(1.050.000.000)	(1.050.000.000)
Số dư cuối kỳ	23.986.576.214	23.986.576.214
<i>II. Giá trị hao mòn lũy kế</i>		
Số dư đầu năm	5.571.005.428	5.571.005.428
- Khấu hao trong kỳ	1.293.866.280	1.293.866.280
- Giảm khác	(494.949.342)	(494.949.342)
Số dư cuối quý	6.369.922.366	6.369.922.366
<i>III. Giá trị còn lại của TSCĐ VH</i>		
- Tại ngày đầu năm	19.465.570.786	19.465.570.786
- Tại ngày cuối quý	17.616.653.848	17.616.653.848
08. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí xây dựng phần mềm chỉ số, phần mềm gd chứng khoán, phần mềm quản lý khách hàng	16.517.852.639	15.467.852.639
Cộng	16.517.852.639	15.467.852.639
09. Chi phí trả trước dài hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định	235.197.468	470.116.224
- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ	87.545.967	213.582.097
- Chi phí khác	40.425.190	112.744.355
Cộng	363.168.625	796.442.676
10. Tài sản dài hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
- Ký quỹ, ký cược dài hạn	289.643.771	289.643.771
Cộng	289.643.771	289.643.771
11. Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	Số cuối năm	Số đầu năm
- Thuế giá trị gia tăng	203.210.163	0
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	17.515.412	17.515.412
- Thuế thu nhập cá nhân	20.488.003	14.123.603
- Thuế khác	5.000.109	5.000.109
Cộng	246.213.687	36.639.124
12. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tài sản thừa chờ xử lý	378.850.234	378.850.234
- Các khoản khác	1.584.826.226	1.610.837.562
Cộng	1.963.676.460	1.989.687.796

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

13. Vốn chủ sở hữu

13.1 Tình hình tăng, giảm nguồn vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Số đầu năm	Tăng trong năm	Giảm trong năm	Số cuối năm
I - Vốn chủ sở hữu				
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	135.000.000.000	-	-	135.000.000.000
3. Quỹ dự phòng tài chính	113.649.448	-	-	113.649.448
4. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	113.649.448	-	-	113.649.448
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	1.024.173.157	-	981.096.054	43.077.103
Tổng cộng	136.251.472.053	-	981.096.054	135.270.375.999

13.2 Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

- Công ty TNHH Đầu tư và Chứng khoán NH
- Ông Vũ Đức Nghĩa
- Bà Võ Thị Hồng Vân
- Các cá nhân khác

Cộng

Số cuối năm

Số đầu năm

66.150.000.000
8.500.000.000
7.000.000.000
53.350.000.000

135.000.000.000

66.150.000.000
8.500.000.000
7.000.000.000
53.350.000.000

135.000.000.000

13.3 Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

- + Vốn góp đầu năm
- + Vốn góp tăng trong năm
- + Vốn góp giảm trong năm
- + Vốn góp cuối năm

Năm nay

Năm trước

135.000.000.000
0
0
135.000.000.000

135.000.000.000
0
0
135.000.000.000

13.4 Cổ phiếu

- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng
- Cổ phiếu phổ thông
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành
- Cổ phiếu phổ thông
- Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành

Số cuối năm

Số đầu năm

13.500.000
13.500.000
13.500.000
13.500.000
13.500.000
10.000

13.500.000
13.500.000
13.500.000
13.500.000
13.500.000
10.000

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH.

		Đơn vị tính: VND	
	Năm nay	Năm trước	
14. Doanh thu			
- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	372.834.749	948.176.929	
- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	4.330.159.862	6.188.118.600	
- Doanh thu hoạt động tư vấn	9.089.945.915	4.452.380.133	
- Doanh thu khác	1.002.344.066	1.589.863.578	
Cộng	14.795.284.592	13.178.539.240	
15. Chi phí hoạt động kinh doanh			
- Chi phí trực tiếp hoạt động KDCK	427.477.826	1.278.497.334	
- Chi phí nhân viên trực tiếp	3.532.243.913	4.517.012.311	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	1.114.284.824	1.111.820.822	
- Dự phòng	4.697.808.305	1.247.824.147	
- Chi phí khác	2.918.060.208	2.097.677.979	
Cộng	12.689.875.076	10.252.832.593	
16. Chi phí quản lý doanh nghiệp			
- Chi phí nhân viên quản lý	89.867.110	164.051.790	
- Chi phí vật liệu quản lý	29.136.054	20.002.600	
- Chi phí đồ dùng văn phòng	8.408.182	19.778.182	
- Chi phí khấu hao TSCĐ	206.792.480	476.494.642	
- Thuế, phí, lệ phí	153.043.493	234.713.189	
- Dự phòng	1.203.006.402	82.070.358	
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	1.246.608.449	1.688.982.027	
- Chi phí bằng tiền khác	163.440.130	174.349.855	
Cộng	3.100.302.300	2.860.442.643	
17. Thu nhập khác			
- Thu phí cấp lại thẻ OTP	1.600.000	3.364.400	
- Thanh lý tài sản	6.172.727	0	
- Khác	39.507.159	38.770.741	
Cộng	46.279.886	42.135.141	
18. Chi phí khác			
- Tiền BHXH, BHYT	325.896	7.354.709	
- Nộp phạt vi phạm hành chính	30.760.277	0	
- Thanh lý tài sản	1.396.900	0	
- Khác	83	2.794.122	
Cộng	32.483.156	10.148.831	

VII. CÁC THÔNG TIN KHÁC

1. Công cụ tài chính

Đơn vị tính: VND

1.1. Quản lý rủi ro vốn

Công ty thực hiện quản trị nguồn vốn để đảm bảo rằng Công ty vừa có thể hoạt động vừa có thể tối đa hóa lợi ích của cổ đông thông qua việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả.

Cấu trúc vốn của Công ty bao gồm : Vốn điều lệ, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

1.2. Tài sản tài chính

Tài sản tài chính là các tài sản mà qua đó Công ty có thể phát sinh các khoản thu nhập trong tương lai. Các tài sản này đã được xác định lại theo giá trị hợp lý tại ngày lập báo cáo tài chính.

	Giá trị ghi sổ	Giá trị hợp lý
- Tiền, các khoản tương đương tiền	24.389.482.525	24.389.482.525
- Đầu tư tài chính ngắn hạn	45.457.422.787	39.680.632.482
- Các khoản phải thu khách hàng	4.011.611.981	3.909.490.481
- Trả trước cho người bán	11.415.211.559	11.415.211.559
- Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	4.154.620.566	2.471.076.853
- Phải thu khác	4.533.812.810	4.533.812.810

1.3. Công nợ tài chính

Các khoản nợ tài chính đã được đánh giá lại theo dung quy định của Chuẩn mực kế toán hiện hành để đảm bảo nghĩa vụ thanh toán của Công ty. Cụ thể các khoản phải trả người bán và các khoản vay có gốc ngoại tệ đều được đánh giá lại theo tỷ giá ngày lập báo cáo. Đồng thời các khoản chi phí đi vay, phải trả đã được ghi nhận trong kỳ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

Số dư ngày 31/12/2015

- Vay và nợ ngắn hạn dài hạn	0
- Phải trả người bán	477.596.858
- Người mua trả tiền trước	207.296.271
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.788.494.202
- Chi phí phải trả	320.775.345
- Phải trả khác	1.963.676.460

1.4. Quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm: rủi ro thị trường và rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro dòng tiền. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ này.

Rủi ro thị trường: Công ty liên tục nghiên cứu và theo dõi đối biến động giá cả các mã chứng khoán để đưa ra những quyết định mang lại lợi ích cho Công ty.

[Handwritten signature]
[Handwritten initials]

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Địa chỉ: Tầng 18 toà nhà ICON 4, số 243A Đê La Thành, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội.

Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2015

Rủi ro tín dụng: bao gồm rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất. Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để thanh toán cho các khoản nợ phải trả hiện tại và tương lai. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản đối với các khoản nợ phải trả hiện tại dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo việc duy trì một lượng tiền mặt đáp ứng tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn.

Đối tượng	Dưới 1 năm	Trên 1 năm	Tổng cộng
- Phải trả người bán	477.596.858		477.596.858
- Người mua trả trước	207.296.271		207.296.271
- Phải trả khác	1.963.676.460		1.963.676.460
- Chi phí phải trả	320.775.345		320.775.345
- Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	6.788.494.202		6.788.494.202

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán và Định giá Thăng Long – T.D.K.

3. Thông tin về các bên liên quan khác phát sinh trong kỳ

Trong kỳ, Công ty không phát sinh giao dịch với các bên liên quan nào khác.
Tại thời điểm 31/12/2015, không có số dư nào với các bên liên quan.

Người lập

NGUYỄN THỊ THU

Kế toán trưởng

NGUYỄN THỊ LAN ANH

Lập, ngày 28 tháng 03 năm 2016

Tổng Giám đốc



VŨ ĐỨC NGHĨA



WOORI CBV

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN WOORI CBV

Số: ...511/CV-WCBV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Hà nội, ngày 31 tháng 03 năm 2016

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CỔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA
ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCK**

(có thể sử dụng để công bố thông tin đồng thời đến UBCKNN và SGDCK)

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM
- Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội

Công ty: Công ty Cổ phần Chứng khoán Woori CBV

Địa chỉ trụ sở chính: Tầng 18, toà nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Q.Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: 043.941.3369

Fax: 043.941.0248

Người thực hiện công bố thông tin: Vũ Văn Tuyền

Địa chỉ: Tầng 18, toà nhà ICON4, 243A Đê La Thành, Q. Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 043.941.3369

Fax: 043.941.0248

Loại thông tin công bố: ☐ 24 giờ ☐ 72 giờ ☐ bất thường ☐ theo yêu cầu ☒ định kỳ:

Nội dung thông tin công bố (*):

Công bố thông tin về Báo cáo tài chính đã kiểm toán ngày 31.12.2015 và Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán ngày 31.12.2015

Thông tin trên đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày 30.03.2016:

- Báo cáo tài chính đã kiểm toán ngày 31.12.2015 tại đường dẫn:
<http://www.wooricbv.com/ContentView.aspx?DID=7405&CID=243> *bha*
- Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán ngày 31.12.2015 tại đường dẫn:
<http://www.wooricbv.com/ContentView.aspx?DID=7404&CID=243> *bha*

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

Woori CBV xin thông báo.

Tài liệu đính kèm:

-Báo cáo tài chính đã kiểm toán ngày
31.12.2015

-Báo cáo tỷ lệ an toàn tài chính đã kiểm toán
ngày 31.12.2015

TRƯỞNG BỘ PHẬN GIAO DỊCH



VŨ VĂN TUYẾN

28